TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **11**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: **30/5/2023**
"Về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạphiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương Thuận và bà Nguyễn Thị Hiên

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Xoa- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXX ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1995

Đăng ký hộ khẩu: Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C2, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Xuân C**, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều có mặt mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Vũ Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Xuân C được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2019 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C một thời gian ngắn thì chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở Thôn T, xã C2 sinh sống từ đó cho đến nay. Kể từ khi vợ chồng kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau,

không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hàng ngày thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, từ việc làm ăn kinh tế cũng như phong cách sống. Mặt khác, anh C còn ham chơi cờ bạc, thường xuyên báo nợ về cho gia đình phải trả nợ thay. Bản thân chị đã khuyên anh C nhiều lần, đồng thời cả hai bên gia đình nội ngoại đều khuyên bảo anh C và hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh C vẫn không chịu tu chí làm ăn. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt và không còn trách nhiệm gì với nhau nữa, kể từ khi chị sinh con tự một mình chị chăm sóc con, đi làm kiếm tiền nuôi con. Ngoài ra, có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị, anh C không có trách nhiệm gì với mẹ con chị. Vì mâu thuẫn xảy ra liên tục và kéo dài nên vào tháng 7/2021 chị đã gửi đơn xin ly hôn anh C nhưng hai bên gia đình đều động viên chị tha thứ, tạo cơ hội cho anh C có thời gian khắc phục mâu thuẫn và cải thiện tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, kể từ khi chị rút đơn ly hôn anh C cho tới nay anh C cũng không thay đổi tính cách, không tìm được biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng và vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, chị xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với anh C được nữa vì không còn tình cảm vợ chồng, anh C không có trách nhiệm gì về vật chất và tinh thần với mẹ con chị kể từ khi lấy nhau cho đến nay nên chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

2. Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Vũ T A, sinh ngày 23/11/2019, chị đã và đang trực tiếp nuôi dưỡng con từ khi sinh ra. Nay vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Hiện nay chị có công việc làm ổn định có mức thu nhập từ 15-20 triệu/tháng. Ngoài ra có mẹ đẻ chị hỗ trợ việc đưa con con đi học hàng ngày, cuộc sống của mẹ con chị đang rất ổn định về mọi mặt. Anh C có quan điểm đề nghị Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con, chị không đồng ý. Bởi thực tế, bản thân anh C không có việc làm, thu nhập ổn định, chưa nuôi được bản thân anh C, không có chỗ ở riêng biệt và không có ai hỗ trợ việc chăm sóc con cho anh C đi làm nên việc anh C yêu cầu nuôi con là không đảm bảo cuộc sống cho con chị.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Vũ Xuân C trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh C xác định về thời gian tìm hiểu nhau, điều kiện, thời gian kết hôn tại UBND xã C, huyện C như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh, đến khi chị L có thai thì chị L về nhà bố mẹ đẻ của chị L sinh sống từ đó ở tại Thôn T, xã C2 cho đến nay được khoảng 04 năm. Anh xác định chị L về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 là vì anh thương chị và chiều theo ý chị về nhà ngoại ở để tiện cho việc bà ngoại chăm sóc cháu cho chị L đi làm và thuận lợi cho việc chị L đi làm gần hơn. Vì vậy, vợ chồng mỗi người ở một nơi từ khi chị L chưa sinh con cho đến nay, dần dần anh nhận thấy chị L không còn tình cảm với anh như trước nữa, anh cũng không hiểu lý do gì mà cứ nhất quyết đòi ly hôn anh lần thứ nhất từ năm 2021. Tại thời điểm này, do hai bên gia đình đã khuyên giải cả hai vợ chồng thì chị L đã rút đơn ly hôn anh với mục đích để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi chị L rút đơn anh rất muốn làm lành với vợ nhưng gọi điện thoại chị L không nghe máy, anh tìm cách gặp để giải thích nhưng chị L cương quyết không tạo cơ hội cho anh gặp mà thể hiện quyết tâm đề nghị ly hôn anh, lần này là lần thứ hai chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết ly hôn anh. Anh xác định, mặc dù vợ chồng mỗi người sống một nơi kể từ năm 2019 cho đến nay nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L nên anh có nguyện vọng được đoàn tụ vợ chồng với chị L để cùng nhau nuôi con trưởng thành. Trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn và Tòa án xác định đủ căn cứ giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con và anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

2. Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Vũ Tú Anh, sinh ngày 23/11/2019, mặc dù con còn nhỏ và chị L trực tiếp nuôi dưỡng từ khi sinh ra cho đến nay. Nhưng nếu chị L cương quyết xin ly hôn với anh và Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con và anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Hiện nay anh làm nghề cơ khí, có mức lương từ khoảng 9-11 triệu/tháng nhưng do anh làm nghề tự do nên anh không thể cung cấp tài liệu chứng minh về mức thu nhập như anh trình bày nêu trên.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh khẳng định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ngoài những vấn đề trên, anh xác định không có yêu cầu phản tố đối với nội dung khởi kiện của chị L và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng trình bày: Chị Vũ Thị L và anh Vũ Xuân C là vợ chồng hợp pháp, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương khoảng đầu năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà anh C một thời gian ngắn thì chị L lại về nhà bố đẻ ở, sinh con và không quay về sinh sống tại gia đình anh C từ năm 2019 cho đến nay, anh C thì vẫn sống cùng bố mẹ đẻ anh C (ông C - bà T) ở Thôn K, xã C. Trong cuộc sống vợ chồng hàng ngày kể từ khi anh C, chị L lấy nhau và không ở chung một nhà cho đến nay thì chị L không có hạnh phúc, chị L xin ly hôn anh C lần thứ nhất vào năm 2021, nguyên nhân là do anh C chơi bời, nợ nần dẫn đến việc gia đình và chị L phải trả nợ thay cho anh C nhiều lần, anh C cầm cố tài sản trong đó chiếc xe để làm phương tiện hàng ngày anh cũng đem đi cầm cố, chị L phải đi vay tiền để chuộc. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh C không tu chí làm ăn và không thay đổi phong cách sống, không có trách nhiệm với vợ con nên chị L cương quyết không quay về đoàn tụ vợ chồng với anh C, sống ly thân nhau từ nhiều năm nay. Vợ chồng chị L anh C có 01 con chung do chị L đã và đang chăm sóc nuôi dưỡng từ khi sinh con ra cho đến nay, anh C không có trách nhiệm gì về tinh thần và vật chất. Ngoài ra không cung cấp gì thêm.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã C, huyện C, chính quyền địa phương từ thôn đến xã đã cung cấp thông tin: Chị Vũ Thị L và anh Vũ Xuân C là vợ chồng hợp pháp, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/3/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà anh C một thời gian ngắn thì chị L lại về nhà bố đẻ ở và sinh con. Kể từ khi chị L về nhà bố mẹ đẻ thì không thấy quay lại sinh sống tại gia đình anh C từ năm 2019 cho đến nay, anh C thì vẫn sống cùng bố mẹ đẻ anh C (ông C-bà T) ở Thôn K, xã C. Tuy nhiên, chính quyền địa phương thôn, xã không nhận được đơn, thư của chị L, anh C và cũng không tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh chị L-Chiến lần nào. Vợ chồng Linh-Chiến có 01 con chung, chị L trực tiếp nuôi dưỡng từ khi sinh con ra cho đến nay và không có

mặt tại địa phương. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C, quan điểm của địa phương xác định vợ chồng chị L đã sống mỗi người một nơi kể từ sau khi lấy nhau được một thời gian ngắn từ năm 2019 cho đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật để cả hai sớm được ổn định cuộc sống riêng của mỗi người. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con cùng nguyên đơn. Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được đoàn tụ vợ chồng với nguyên đơn. Trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn và Tòa án xác định đủ căn cứ giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải cho anh được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị L ly hôn anh Vũ Xuân C; Về con chung: Giao con là Vũ Tú Anh, sinh ngày 23/11/2019 cho chị Vũ Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; kể từ khi bản án có

hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị L tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị, không chấp nhận yêu cầu của anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con; Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà,ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,đương sựtrên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn là anh Vũ Xuân C hiện cư trú tại Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều được Tòa án giấy triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng và đều có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Chị Vũ Thị L và anh Vũ Xuân C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/3/2019. Do vậy, xác định quan hệ của chị L và anh C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đỉnh điểm vào năm 2021, chị L đã gửi đơn xin ly hôn anh C lần thứ nhất, sau đó được hai bên gia đình động viên vợ chồng về đoàn tụ, chị L đã rút đơn ly hôn với mong muốn tạo cơ hội cho anh C thay đổi, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, thực tế từ khi chị L rút đơn ly hôn từ ngày 30/7/2021 cho đến nay nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người một nơi như trước đó, chị L không có ý định đoàn tụ vợ chồng với anh C, anh C thì không tìm biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng với chị L trong suốt thời gian kéo dài khoảng gần 02 năm nay. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị L và anh C không thực hiện được các nghĩa vụ trên nên cần xử cho chị L ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Xác định vợ chồng chị L và anh C có 01 con chung là Vũ T A, sinh ngày 23/11/2019. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, vợ chồng chị L và anh C có 01 con chung nhưng cả nguyên, bị đơn đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, cần xét điều kiện hoàn cảnh thực tế để đảm bảo cuộc sống cho con, hiện nay con còn nhỏ, cần có sự chăm sóc dạy dỗ, gần gũi của người mẹ. Chị L đã và đang ở cùng với bố mẹ đẻ có chỗ ở rộng rãi, hàng ngày chị đi làm công nhân tại Khu công nghiệp gần với nơi cư trú của gia đình bố mẹ chị, chị trực tiếp đưa đón con đi học hàng ngày thuận lợi, ngoài ra chị có bố mẹ hỗ trợ hỗ mẹ con chị về mọi mặt. Nên, HĐXX xét việc giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con sẽ thuận lợi, đảm bảo tốt cuộc sống, quyền lợi ích cho con về mọi mặt và phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với việc chị L tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX thấy hiện nay chị L có việc làm, thu nhập với mức lương ổn định, trung bình mỗi tháng khoảng 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*. Như vậy, có khả năng đảm bảo cuộc sống tốt cho con nên sự tự nguyện của chị L phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Việc anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. HĐXX xét thấy, mặc dù anh C trình bày làm nghề cơ khí có thu nhập khoảng từ 09 đến 11 triệu/tháng nhưng anh do anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh mức thu nhập của mình. Mặt khác, anh là người lao động tự do, không có chỗ ở riêng, không có người hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con nên yêu cầu của anh về việc trực tiếp nuôi dưỡng con là không đảm bảo cuộc sống cho con, không phù hợp qui định nên không được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị L và anh C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Vũ Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị L ly hôn anh Vũ Xuân C.

2. Về con chung: Xử giao con là Vũ T A, sinh ngày 23/11/2019 cho chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Anh Vũ Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001843 ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi Cục thi hành ánDS huyện Cẩm Giàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã C, huyện Cẩm Giàng
(Kết hôn ngày 08/3/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án..

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Tố Uyên